

Số: **67** /2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **12** tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2025 (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt hỗ trợ liên kết

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ các dự án/kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết xây dựng để triển khai thực hiện sản xuất cùng lúc một ngành

hàng, sản phẩm trên địa bàn của 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên hoặc các dự án có tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ 3 tỷ đồng trở lên.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt hỗ trợ các dự án/kế hoạch liên kết có phạm vi thực hiện giới hạn trong một huyện, thị xã, thành phố và có tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước dưới 3 tỷ đồng.

3. Về hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Chương III, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu cần điều chỉnh, bổ sung các ngành hàng, sản phẩm ngoài danh mục nêu trên, các địa phương báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, CN;
- Công báo tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hải Minh



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM KHUYẾN KHÍCH,
ƯU TIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP
(Ban hành Kèm theo Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Danh mục
I	Trồng trọt
1	Cây lương thực
1.1	Lúa: Giống lúa, lúa thương phẩm nhóm chất lượng (<i>ưu tiên lúa sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ và GlobalGAP</i>).
1.2	Nếp các loại: Nếp giống, nếp thương phẩm.
1.3	Ngô: Ngô giống, ngô thương phẩm.
2	Cây có bột
2.1	Khoai lang.
2.2	Sắn.
3	Cây công nghiệp ngắn ngày
3.1	Lạc (đậu phộng): Lạc giống, lạc thương phẩm.
4	Cây rau, củ quả: Các loại rau ăn lá, củ, quả (<i>sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, hữu cơ</i>).
5	Cây dược liệu: Theo danh mục 12 loài cây dược liệu ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Đề án Phát triển vùng nguyên liệu và các sản phẩm dược liệu gắn với Chương trình môi xã một ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.
6	Cây ăn quả: Chuối, Mít, Thơm, Bưởi (đỏ, cóc, da xanh,...), Thanh Trà, cam, quýt, chanh, sầu riêng.
7	Cây khác: Cây sen.
8	Nấm: Nấm dược liệu, nấm thực phẩm.
II	Chăn nuôi
1	Gia súc: Bò, lợn.
2	Gia cầm: Gà (thịt, trứng), vịt (thịt, trứng).
III	Thủy sản
1	Nhóm giáp xác: Cua, tôm sú, tôm thẻ.

TT	Danh mục
2	Các loại cá: Cá trắm, thác lác, chình, đìa, nâu, đối, chẻm, mú, vầu, hồng mỹ, điêu hồng, rô phi, kinh, bớp.
3	Nhóm động vật thân mềm: Sò huyết, hào, ốc hương.
IV	Động vật lưỡng cư: Éch.